

Số: 219 /TB-HB

Quận 1, ngày 18 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
V/v thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3710/UBND-GDDT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Quận 1;

Căn cứ vào ý kiến thống nhất về khoản thu năm học 2023-2024 trong buổi họp Cha mẹ học sinh ngày 16 tháng 9 năm 2023;

Trường Tiểu học Hòa Bình thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024; Chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập như sau:

A. Đối với các khoản thu năm học 2023-2024:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu theo CV 3710/UBND -GDDT	Mức thu thực hiện tại trường
I.	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa			
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày (áp dụng đối với học sinh lớp 5)	đồng/học sinh/tháng	150.000	150.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (Anh)	đồng/học sinh/tháng	100.000	100.000
3	Tiền tổ chức dạy tin học			
3.1	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/học sinh/tháng	50.000	50.000
3.2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn tin học	đồng/học sinh/tháng	70.000	70.000
4	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa			

4.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Bóng rổ, Cờ, Võ, Rèn chữ, Kỹ thuật, Mĩ thuật, Muay Thái, Tiếng Anh, Aerobic, Stem Robotic, Thiết kế đồ họa (1 tiết/ tuần)	đồng/học sinh/tháng	120.000	120.000
4.2	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống (1tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	120.000	80.000
4.3	Tiền tổ chức giáo dục Stem (1tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	90.000	90.000
4.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (Tiếng Anh Giao tiếp) (2tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	260.000	250.000
4.5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ (Tiếng Anh Dyned) (2tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	250.000	200.000
4.6	Tiền tổ chức Chương trình học Tiếng Anh ISMART (áp dụng Lớp Một 1)	đồng/học sinh/tháng		
	- Học ngoại ngữ với người nước ngoài (2tiết/tuần)		250.000	250.000
	- Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (2 tiết/tuần)		500.000	400.000
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án			
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”	đồng/học sinh/tháng	3.600.000	3.600.000
III	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú			
6	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh	đồng/học sinh/tháng	350.000	350.000
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (bếp tự phục vụ bữa ăn)	đồng/học sinh/năm học	200.000	200.000
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh			
8	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu			
8.1	Tiền học phẩm (In ấn giấy thi trong các kỳ thi giữa kỳ, cuối kỳ)	đồng/học sinh/năm học	40.000	
	- Lớp 1			15.000
	- Lớp 2, 3			20.000
	- Lớp 4, 5			25.000
9	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	35.000	35.000

10	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	20.000	20.000
11	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	40.000	30.000 (không khám nha khoa)
12	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	đồng/học sinh/tháng	45.000	35.000
13	Tiền dịch vụ tiện ích công nghệ thông tin và chuyển đổi số + Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/tháng	60.000	38.500
V	Bảo hiểm y tế học sinh (bắt buộc)	đồng/học sinh/tháng		56.700
VI	Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện)	đồng/học sinh/năm		30.000

B. Về chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập.

1. Đối tượng được miễn 100% các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa (Trừ khoản tiền tổ chức 2 buổi/ngày)

- Học sinh thuộc diện chính sách (hộ cận nghèo)
- Học sinh là con của thương binh liệt sĩ, bệnh binh.
- Học sinh là con thuộc gia đình khó khăn.
- Học sinh là con của cán bộ, giáo viên và nhân viên Nhà trường.

2. Đối tượng được miễn 50% tiền tổ chức 2 buổi/ngày: Học sinh thuộc diện chính sách hộ cận nghèo.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT/Q.1 (để b/c);
- CB, GV, NV;
- Trang Web trường;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT, KT.



Trịnh Thị Kim Quý